

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): mực nước đang lên chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 21/7/2025 đều cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-85cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống theo triều. Mực nước cao nhất ngày 21/7/2025 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 từ 10-20cm và cao hơn TBNN từ 20-25cm. Mực nước thấp nhất ngày 21/07/2025 đều ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-45cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 21/07/2025 phổ biến xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-45cm.

- Khu vực cửa sông: mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn biến đổi chậm, biên độ không chênh lệch nhiều so với ngày trước, mực nước lớn nhất ngày 21/7 là 81cm (trên BĐI 01cm).

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên trong những ngày

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước lên chậm trong 5 ngày

- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên theo xu thế triều biển Tây và đạt đỉnh trong 1-2 ngày đầu, sau đó xuống chậm.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 23/7/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 21/07						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			22/7	23/7	24/7	25/7	26/7	22/7	23/7	24/7	25/7	26/7
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	147	52	0	193	1	-2	197	201	206	212	219	151	155	160	166	173
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	82	42	22	164	-14	19	165	166	171	176	183	86	90	96	102	107
Hậu	Khánh An	420	470	520	285	64	83	294	39	69	296	298	303	308	315	287	289	294	299	308
	Châu Đốc	300	350	400	120	40	12	182	-22	14	187	192	197	203	210	124	128	133	139	146
	Long Xuyên	190	220	250	55	39	34	163	-18	24	164	165	170	175	182	59	63	69	75	80
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	95	47	21	171	-12	18	172	173	178	183	190	99	103	109	115	120
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	89	20	20	97	7	4	100	101	102	103	104	91	93	94	95	95
	Vĩnh Gia	200	240	280	72	6	30	77	1	30	80	82	84	85	86	74	76	78	79	80
	Vĩnh Điều	170	200	230	74	10	16	80	4	10	82	83	84	85	86	75	76	77	78	79
T3	Vĩnh Phú	150	180	220	76	4	20	82	0	17	84	85	86	87	88	78	80	82	83	84
T5	Nông Trường	160	190	220	79	2	19	83	-4	14	86	87	88	89	90	81	83	84	85	86
Rạch Giá Hà Tiên	Lung Lớn				58	10	16	74	2	17	77	78	79	80	81	60	62	64	66	67
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	81	13	14	97	4	18	100	101	102	103	104	83	85	87	89	90
	Cô Tô	140	180	220	96	10	43	108	8	47	111	112	113	114	115	101	105	106	107	107
	Nam Thái Sơn	90	120	150	75	0	-	80	-1	-	81	82	83	83	84	74	75	76	77	78
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	70	9	28	74	0	26	76	79	82	86	91	72	75	78	80	82
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	110	12	48	119	6	46	122	123	124	125	126	112	114	115	116	117
	Mỹ Hiệp Sơn				79	2	27	82	0	21	84	86	89	92	95	81	83	85	87	88
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	119	24	33	151	9	43	154	155	156	157	158	121	123	124	125	126
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	92	6	22	110	2	27	113	114	115	116	117	94	96	97	98	99
	Tân Thành	120	150	180	85	5	25	92	2	17	95	96	97	98	99	87	89	90	91	92
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	69	5	26	73	-1	17	75	77	78	79	80	71	73	74	75	76
12	Cầu Cống Bán				69	10	16	79	2	17	82	83	84	85	86	71	73	74	75	76
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-7	-7	7	54	2	9	56	58	60	61	62	-5	-2	1	4	6
Bến Nhứt	Giồng Riềng				57	-10	0	67	-5	12	70	71	72	73	74	59	61	62	63	64
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-33	-9	-4	81	29	27	83	85	75	70	65	-36	-40	-37	-33	-29

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



